

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HSST
Ngày: 25-6-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy.
2. Bà Phạm Thu Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Phan Ngọc H (H Rùa), sinh năm 1976 tại tỉnh Bến Tre;
Nơi cư trú: Khu phố 2, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 01/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Phan Ngọc P, sinh năm 1952 và bà Triệu Thị Bích T, sinh năm 1955;
Vợ, con: chưa có, hiện sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1986;

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 14/8/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 57/2018/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2020 cho đến nay. (Có mặt).

2. Phạm Thanh T (T Bò), sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre;
ĐKTT: Khu phố 3, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
Chỗ ở hiện nay: khu phố BT, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 8/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Phạm Công T, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Phương A, sinh năm 1969; Vợ: Lê Thị Thanh H, sinh năm 1990; Con: có 02 (hai) người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2020 đến nay. (Có mặt).

** Bị hại:*

- Bà Bùi Thị Minh Th, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp 1, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Tg, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Thủy Tr, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố 1, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lê Quang V, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/02/2020, bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo H đi từ xã MTA đến xã SĐ, thành phố BT để chơi game bắn cá. Khi đi ngang qua tiệm bán nước đá của bà Bùi Thị Minh Th ở ấp 1, xã SĐ, thành phố BT, bị cáo H phát hiện trên ghế bô trước tiệm có để một giỏ xách màu đỏ nhưng không có người trông coi nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo H kêu bị cáo T quay xe lại nhưng không nói với bị cáo T quay lại để làm gì. Bị cáo T quay xe lại và đậu xe trên lề đường chờ. Bị cáo H xuống xe, lén lút đi vào lấy trộm giỏ xách của bà Th bên trong có 65.200.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 01 lượng, 01 mặt dây chuyền vàng 24 K trọng lượng 01 chỉ, 01 lắc tay bằng vàng 24K trọng lượng 01 lượng, 02 nhẫn vàng 24K, mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ, 01 giỏ xách bằng da màu đỏ có 2 quai, 01 giỏ xách màu trắng ngà, 01 bóp da loại nhỏ bằng da cá sấu màu nâu, 01 sổ hộ khẩu, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Quốc K, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Bùi Thị Minh Th, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Thị Thanh Ph, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71F5-5775, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 53Y5-9304 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 53S3-1936 rồi ra chỗ T chờ kêu T chở về nhà H ở phường 1 (nay là phường A), thành phố BT. Tại đây, bị cáo H nói cho bị cáo T biết là mới lấy trộm được số tài sản trên và cho bị cáo T số tiền 31.750.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo H tiêu xài cá nhân hết, sợi dây chuyền bị cáo H nhờ Lê Quang V đem đến tiệm vàng LN bán được 45.300.000 đồng nhưng V chỉ đưa cho bị cáo H 41.300.000 đồng, bị cáo H cho lại V 1.000.000 đồng. Bị cáo T sử dụng số tiền 31.750.000 đồng tiêu xài cá nhân và mua 01 chiếc nhẫn trọng lượng 1,7 chỉ với giá 5.500.000 đồng, sau đó mang đến tiệm cầm đồ của chị Trần Thị Trúc Th cầm được 3.500.000 đồng. Riêng chiếc lắc, 02 chiếc nhẫn vàng, 02 giỏ xách, 01 cái bóp và các loại giấy tờ bị cáo H bỏ mất, không thu hồi được. Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (do Trần Thị Trúc Th giao nộp);

- 01 áo khoác màu đen, có chữ Adidas màu đen viền màu vàng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 186/KL-HĐĐG ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre kết luận:

- 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 01 lượng, kiểu móc xích mắt đẹp. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 giá mua 43.550.000 đồng, giá bán 44.050.000 đồng;
- 01 mặt dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, kiểu hình chữ nhật có chữ tàu. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 giá mua 4.355.000 đồng, giá bán 4.405.000 đồng.
- 01 lắc tay bằng vàng 24K trọng lượng 01 lượng, kiểu hai chiếc lá đầu vào nhau. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 giá mua 43.550.000 đồng, giá bán 44.050.000 đồng;
- 02 nhẫn vàng 24K, mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ, kiểu nhẫn trơn. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 giá mua 8.710.000 đồng, giá bán 8.810.000 đồng;
- 01 giỏ xách bằng da màu đỏ có 2 quai. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 là 7.000 đồng;
- 01 giỏ xách màu trắng ngà. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 là 2.000 đồng;
- 01 bóp da nhỏ màu nâu. Trị giá tài sản ngày 08/02/2020 là 2.000 đồng.

Quá trình điều tra, bà Trần Thị Trúc Th yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là tiền bà đã bỏ ra để cầm chiếc nhẫn sau đó bị thu hồi, bị cáo T đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Cáo trạng số 47/CT-VKSTPBT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phan Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

* Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt chính:
 - + Áp dụng các điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo H từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
 - + Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.
- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.
- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:
 - + Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu đen, có chữ Adidas màu đen viền màu vàng.
 - + Tiếp tục tạm giữ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng để đảm bảo thi hành án.
- Về trách nhiệm dân sự:
 - + Buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị Trúc Th số tiền 3.500.000 đồng, bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Thanh số tiền 31.750.000 đồng.
 - + Buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th số tiền 133.626.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của bị hại, ông Nguyễn Văn T trình bày: bà Th yêu cầu được bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 165.376.000 đồng, cụ thể yêu cầu nhận 01 chiếc nhẫn do Trần Thị Trúc Th giao nộp; yêu cầu ông V phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo H, bị cáo T có trách

nhệm liên đới bồi thường thiệt hại số tiền còn lại sau khi đã trừ giá trị chiếc nhẫn và số tiền 5.000.000 của ông V.

* Bị cáo H không yêu cầu được nhận lại áo khoác màu đen, có chữ Adidas; đối với số tiền 31.750.000 đồng không yêu cầu bị cáo T trả lại hay phải bồi thường trực tiếp cho bà Th; đối với số tiền 5.000.000 đồng không yêu cầu ông Lê Quang V trả lại hay phải bồi thường trực tiếp cho bà Th; bị cáo tự nguyện một mình chịu trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th số tiền 165.376.000 đồng. Bị cáo và Nguyễn Thị Ngọc G chỉ sống chung như vợ chồng và có một con chung, do không đăng ký kết hôn nên bị cáo không đứng tên cha trong khai sinh của con bị cáo.

* Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bà Trần Thị Trúc Th số tiền 3.500.000 đồng và tự nguyện có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th số tiền 31.750.000 đồng.

* Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre và xác định hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là có tội. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin lỗi bị hại và cam đoan sau khi chấp hành án xong sẽ làm ăn lương thiện để trả tiền lại cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, xác định được như sau:

Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/02/2020, tại tiệm bán nước đá ở ấp 1, xã SĐ, thành phố BT, bị cáo H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Bùi Thị Minh Th số tiền 65.200.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 01 lượng trị giá 43.550.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 24K trọng lượng 01 chỉ trị giá 4.355.000 đồng; 01 lắc tay bằng vàng 24K trọng lượng 01 lượng trị giá 43.550.000 đồng; 02 nhẫn vàng 24K, mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ trị giá 8.710.000 đồng; 01 giỏ xách bằng da màu đỏ có 2 quai trị giá 7.000 đồng; 01 giỏ xách màu trắng da trị giá 2.000 đồng và 01 bóp da trị giá 2.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt của bà Th là 165.376.000 đồng nên có đủ căn cứ kết luận bị

cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T biết rõ số tiền 31.750.000 đồng mà bị cáo H cho là tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng đã nhận và tiêu xài cá nhân hết nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Khi các bị cáo thực hiện tội phạm gây ra T lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động và trong sinh hoạt hàng ngày.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo H không có tiền sự nhưng có 01 tiền án về “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo T không có tiền, tiền sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi mà các bị cáo đã gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Phan Ngọc H là “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phạm Thanh T là “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa bị cáo H trình bày, giữa bị cáo và Nguyễn Thị Ngọc G chỉ sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên bị cáo không đứng tên cha trong khai sinh của con bị cáo; lý lịch bị can cũng không thể hiện bị cáo có vợ, con nên Hội đồng xét xử không có căn cứ cho bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo H đồng ý một mình có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 165.376.000 đồng nhưng chưa thực hiện. Tại phiên tòa, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho bà Th số tiền

31.750.000 đồng được bị cáo H cho và đồng ý bồi thường cho chị Trần Thị Trúc Th 3.500.000 đồng tiền chị Th đã bỏ ra để cầm chiếc nhẫn sau đó bị thu hồi nhưng cũng chưa thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th số tiền 31.750.000 đồng, bồi thường cho chị Trần Thị Trúc Th số tiền 3.500.000 đồng.

Buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th số tiền 133.626.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 áo khoác màu đen, có chữ Adidas màu đen viền màu vàng là tài sản của bị cáo H mặc khi thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng là tài sản do bị cáo T dùng tiền có được do phạm tội để mua nhưng ngoài trách nhiệm bồi thường cho bị hại là bà Th, bị cáo T còn phải có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Trúc Th nên cần tiếp tục tạm giữ vật chứng này để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với số tiền 5.000.000 đồng liên quan đến ông Lê Quang V, bao gồm 4.000.000 đồng ông V tự ý chiếm đoạt của bị cáo H và 1.000.000 đồng bị cáo H trả công cho việc đi bán sơ dây cHên: tại phiên tòa, bị cáo H không yêu cầu ông V phải trả lại 5.000.000 đồng cho bị cáo hay cùng với bị cáo bồi thường số tiền này cho bị hại để giảm nghĩa vụ bồi thường của bị cáo, bản thân bị cáo sẽ bồi thường toàn bộ cho bị hại; ông V không có mặt tại phiên tòa để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu được nhận lại số tiền này của bị hại; tại biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2020 ông V có khai rõ, thời điểm bán ông V không biết sơ dây chuyền này do bị cáo H phạm tội mà có nhưng sau đó biết rõ và đồng ý giao nộp lại số tiền này nhưng chưa thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Lê Quang V giao nộp số tiền 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[9] Đối với yêu cầu của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: thực tế bà Th có bị thiệt hại về tài sản, yêu cầu được bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, không chấp nhận yêu cầu hai bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường vì trong tổng giá trị tài sản chiếm đoạt thì xác định được số tiền cụ thể bị cáo T sử dụng là 31.750.000 đồng và bị cáo T cũng tự nguyện bồi thường lại cho bị hại số tiền này nên buộc mỗi bị cáo phải có trách nhiệm độc lập trong việc bồi thường cho bị hại. Về yêu cầu được nhận lại chiếc nhẫn vàng và 5.000.000 đồng từ ông V, Hội đồng xét xử đã có nhận định cụ thể nên không lặp lại.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phan Ngọc H 04 (Bốn) năm tù.
- Thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2020.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 01 (Một) năm tù.
- Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng để đảm bảo thi hành án:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu đen, có chữ Adidas màu đen viền màu vàng.

- Buộc ông Lê Quang V giao nộp để sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Phan Ngọc H có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Minh Th số tiền số tiền 133.626.000 (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Bùi Thị Minh Th số tiền 31.750.000 (Ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, bồi thường cho chị Trần Thị Trúc Th số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/6/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre quản lý).

5. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Phan Ngọc H, Phạm Thanh T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Phan Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.762.500 (Một triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.681.000 (Sáu triệu sáu trăm tám mươi một ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường A, TP Bến Tre (1b);
- UBND Phường B, TP Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương